

**BẢN SAO**

**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH THANH HÓA**  
Địa chỉ: 25A Quang Trung thành phố Thanh Hóa  
Báo cáo tài chính  
cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012  
đã được kiểm toán

## Nội dung

	Trang
Báo cáo của Ban giám đốc	02-03
Báo cáo Kiểm toán	04
Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán	05-07
Bảng cân đối kế toán	08
Báo cáo kết quả kinh doanh	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10-14
Thuyết minh Báo cáo tài chính	

# BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban giám đốc Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Hóa (sau đây gọi tắt là " Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012.

## CÔNG TY

Công ty cổ phần Du lịch Thanh Hóa được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 2800115518 lần đầu ngày 04 tháng 03 năm 2002 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Thanh Hoá cấp, Thay đổi lần thứ bảy ngày 28/04/2011.

Vốn điều lệ: 12.000.000.000 đồng (Mười hai tỷ đồng)

### *Ngành nghề kinh doanh:*

- Dịch vụ khách sạn;
- Dịch vụ thương mại và dịch vụ khác;
- Kinh doanh kho tàng, bến bãi;
- Quản lý và kinh doanh nhà, cho thuê nhà và đất ở, cơ sở sản xuất kinh doanh;
- Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật đô thị; Xây lắp điện nước;
- Kinh doanh lữ hành; Vận tải hành khách đường bộ, đường thủy nội địa;
- Xuất nhập khẩu hàng hóa, máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất và xây dựng, phương tiện vận tải, ô tô, xe máy và phụ tùng, hàng điện tử, điện lạnh, hàng công nghệ tiêu dùng, vật liệu xây dựng, thực phẩm vật tư nông nghiệp...

### **Kết quả hoạt động :**

Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 là: **(1.954.577.306) VNĐ**

Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 là: **(294.245.627) VNĐ**

### **Các sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán lập báo cáo tài chính**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

### **Hội đồng Quản Trị và Ban giám đốc**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:

Ông Lê Sỹ Huy	Chủ tịch
Ông Lê Trọng Nam	Phó chủ tịch
Ông Vũ Thế Lập	Ủy viên

Các thành viên của Ban Giám đốc bao gồm:

Ông Lê Trọng Nam	Giám đốc
Ông Vũ Thế Lập	Phó giám đốc

### **Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Tài chính Kế toán và Kiểm toán VN bày tỏ nguyện vọng tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty.

**Công bố trách nhiệm của Ban giám đốc đối với Báo cáo tài chính**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà Nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám Đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

CHỨNG THỰC  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BAN CHÍNH  
NGÀY: 05/01/2013  
Số: 24.....Quyển: 01.....SCT/BS

Thanh Hóa, ngày 22 tháng 01 năm 2013

Giám đốc  
CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
DU LỊCH HỒ  
THANH HÓA  
Lê Trọng Nam

PHÒNG  
CÔNG CHỨNG  
SỞ LU

CÔNG CHỨNG VIÊN  
Trình Tiến Dũng

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN**  
*Về Báo cáo Tài chính năm 2012*  
*của Công ty cổ phần Du lịch Thanh Hóa*

Kính gửi: Ban giám đốc Công ty

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Du lịch Thanh Hóa gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 được lập ngày 10/01/2013 trình bày từ trang 5 đến trang 14 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Công ty cổ phần Du lịch Thanh Hóa. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

**Cơ sở ý kiến:**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thủ tục nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

**Những vấn đề ảnh hưởng đến ý kiến kiểm toán viên:**

- \* Chúng tôi đã không tham gia kiểm kê tiền mặt, hàng tồn kho và tài sản tại ngày 31/12/2011 vì tại thời điểm đó chúng tôi chưa được bổ nhiệm làm kiểm toán.
- \* Tại thời điểm kiểm toán các khoản công nợ phải thu, phải trả, các khoản vay ngắn hạn và dài hạn tại ngày 31/12/2012 chưa được đối chiếu.
- \* Bằng các thủ tục kiểm toán khác chúng tôi không thể kiểm tra tính đúng đắn số liệu đầu năm của đơn vị.

CHỨNG TỬ LỰC  
BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH  
NGÀY: 05-01-2013  
Số: 01 Quyển: 01 SCT/BS

**Ý kiến của kiểm toán viên:**

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ những ảnh hưởng (nếu có) đến báo cáo tài chính vì lý do nêu trên, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Du lịch Thanh Hóa tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

Thanh Hoá ngày 22 tháng 01 năm 2013

**CÔNG TY TNHH TÀI CHÍNH  
KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN VN**  
GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY  
T.N.H.H  
TÀI CHÍNH KẾ TOÁN  
VÀ KIỂM TOÁN  
VN  
HOÀNG MINH TƯỜNG  
Chứng chỉ KTV số: 0318/KTV

PHÒNG  
CÔNG CHỨNG  
SỐ 01  
CÔNG CHỨNG VIÊN  
Trịnh Tiến Dũng

KIỂM TOÁN VIÊN

LÊ TRỌNG THANH  
Chứng chỉ KTV số: 2373/KTV

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

Tài sản	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>981.105.876</b>	<b>1.067.278.252</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	III.01	450.908.653	422.691.349
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	III.05	-	-
Đầu tư ngắn hạn		-	-
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)		-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn		316.224.520	356.905.319
Phải thu của khách hàng		167.634.951	178.686.051
Trả trước cho người bán		58.000.000	58.000.000
Các khoản phải thu khác		90.589.569	120.219.268
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		-	-
Hàng tồn kho		79.824.071	89.640.739
Hàng tồn kho	III.02	79.824.071	89.640.739
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	-
Tài sản ngắn hạn khác		134.148.632	198.040.845
Thuế GTGT được khấu trừ		-	-
Thuế và các khoản phải thu nhà nước		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ		-	-
Tài sản ngắn hạn khác		134.148.632	198.040.845
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>10.696.235.170</b>	<b>11.383.259.663</b>
Tài sản cố định	III.03.04	9.646.900.558	10.404.015.391
Nguyên giá		21.506.323.902	21.506.323.902
Giá trị hao mòn lũy kế		(11.934.659.462)	(11.177.544.629)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		75.236.118	75.236.118
Bất động sản đầu tư		-	-
Nguyên giá		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế (*)		-	-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	III.05	-	-
Đầu tư tài chính dài hạn		-	-
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)		-	-
Tài sản dài hạn khác		1.049.334.612	979.244.272
Phải thu dài hạn		-	-
Tài sản dài hạn khác		1.049.334.612	979.244.272
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)		-	-
<b>Tổng cộng tài sản</b>		<b>11.677.341.046</b>	<b>12.450.537.915</b>

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012  
 (tiếp theo)

Nguồn vốn	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>2.039.933.493</b>	<b>2.518.884.735</b>
Nợ ngắn hạn		2.002.836.558	2.481.787.800
Vay ngắn hạn		108.000.000	113.000.000
Phải trả cho người bán		93.141.541	144.856.580
Người mua trả tiền trước		49.200.000	103.630.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	III.06	1.732.864.133	1.852.432.142
Phải trả người lao động		-	-
Chi phí phải trả		-	-
Các khoản phải trả ngắn hạn khác		20.192.995	268.231.189
Quỹ khen thưởng và phúc lợi		(362.111)	(362.111)
Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ			
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn			
Dự phòng phải trả ngắn hạn			
Nợ dài hạn		37.096.935	37.096.935
Vay và nợ dài hạn		37.096.935	37.096.935
Dự phòng trợ cấp mất việc làm			
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn			
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ			
Phải trả phải nộp dài hạn khác			
Dự phòng phải trả dài hạn			
<b>NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>9.637.407.553</b>	<b>9.931.653.180</b>
Vốn chủ sở hữu	III.07	9.637.407.553	9.931.653.180
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		11.998.800.000	11.998.800.000
Thặng dư vốn cổ phần		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu		-	-
Cổ phiếu quỹ (*)		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái			
Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu		291.697.270	291.697.270
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(2.653.089.717)	(2.358.844.090)
<b>Tổng cộng nguồn vốn</b>		<b>11.677.341.046</b>	<b>12.450.537.915</b>

### CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản thuê ngoài		-	-
Vật tư, hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
Ngoại tệ các loại		206,00	205,76
Trong đó:			
USD		206,00	205,76

**CHỨNG THỰC**  
**BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**  
Lập, ngày 22 tháng 01 năm 2013

NGÀY: 05-01-2016

Số: 24 Quyển: 01 SCT/BS

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Dương Thị Thu Hương

Phạm Thị Huyền

Lê Trọng Nam



CÔNG CHỨNG VIÊN  
*Trịnh Tiến Dũng*



**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Năm 2012

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	IV.08	8.769.286.709	8.756.647.030
2 Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		8.769.286.709	8.756.647.030
4 Giá vốn hàng bán		2.294.803.660	1.858.454.975
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		6.474.483.049	6.898.192.055
6 Doanh thu hoạt động tài chính		12.507.129	12.533.685
7 Chi phí tài chính		-	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
8 Chi phí quản lý kinh doanh		6.783.144.896	8.865.318.759
9 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(296.154.718)	(1.954.593.019)
0 Thu nhập khác		1.909.091	5.714.286
1 Chi phí khác		-	5.698.573
2 Lợi nhuận khác		1.909.091	15.713
3 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	IV.09	(294.245.627)	(1.954.577.306)
4 Chi phí thuế TNDN hiện hành		-	-
5 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(294.245.627)	(1.954.577.306)

**CHỨNG THỰC**  
**BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**  
NGÀY: 05-01-2016  
Số: 24 Quyển: 01 SCT/BS

Ngày 22 tháng 01 năm 2013

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc







Dương Thị Thu Hương

Phạm Thị Huyền

Lê Trọng Nam



CÔNG CHỨNG VIÊN  
*Trịnh Tiến Dũng*

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
 (Theo phương pháp trực tiếp)  
 Năm 2012

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	9 156 386 924	7 207 677 532
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	-5 532 000 824	-5 409 729 933
Tiền chi trả cho người lao động	03	-1 591 384 692	-1 348 384 252
Tiền chi trả lãi vay	04		
Tiền chi nộp thuế VAT, thuế TNDN, tiền thuê đất	05	-1 192 957 364	- 807 307 564
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	1 584 989 623	4 876 508 723
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	-2 391 232 583	-4 315 332 062
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>13 801 084</b>	<b>203 432 444</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	1 909 091	6 000 000
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	12 507 129	12 533 685
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>14 416 220</b>	<b>18 533 685</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	116 000 000	261 500 000
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	- 116 000 000	- 280 500 000
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>- 19 000 000</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>28 217 304</b>	<b>202 966 129</b>
<b>Hiện và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>422 691 349</b>	<b>219 725 220</b>
<b>Hiện và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)</b>	<b>61</b>	<b>450 908 653</b>	<b>422 691 349</b>

**CÔNG CHỨNG VIỆN**  
**BẢN SƠ CÔNG BỐ BẢN CHÍNH**  
 NGÀY: 05-01-2016  
 Số: LU Quyển: 01

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Ngày 22 tháng 01 năm 2013

Giám đốc

*Thị Thu Hương*

*Phạm Thị Huyền*



Ng Thị Thu Hương

Phạm Thị Huyền

Là Trọng Nam



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

### ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần Du lịch Thanh Hóa được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 2800115518 lần đầu ngày 04 tháng 03 năm 2002 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Thanh Hoá cấp, Thay đổi lần thứ bảy ngày 3/04/2011.

Vốn điều lệ: 12.000.000.000 đồng (Mười hai tỷ đồng)

#### Ngành nghề kinh doanh:

Dịch vụ khách sạn;

Dịch vụ thương mại và dịch vụ khác;

Kinh doanh kho tàng, bến bãi;

Quản lý và kinh doanh nhà, cho thuê nhà và đất ở, cơ sở sản xuất kinh doanh;

Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật đô thị; Xây lắp điện nước;

Kinh doanh lữ hành; Vận tải hành khách đường bộ, đường thủy nội địa;

Quất nhập khẩu hàng hóa, máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất và xây dựng, phương tiện vận tải, ô tô, xe máy và phụ tùng, hàng điện tử, điện lạnh, hàng công nghệ tiêu dùng, vật liệu xây dựng, thực phẩm vật tư nông nghiệp...

### CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI ĐƠN VỊ

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

#### Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

#### Nguyên tắc về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng

#### Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán máy

#### Phương pháp kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kiểm kê định kỳ

Phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

#### Phương pháp khấu hao tài sản cố định đang áp dụng

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Chi phí hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

#### Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện ghi nhận trong Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay"

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị tài sản đó (được nhân hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

#### Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

#### Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá hối đoái đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm tài chính hoặc ngày kết thúc năm tài chính khác với năm dương lịch (đã được chấp thuận) của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được ghi nhận ngay vào chi phí tài chính, hoặc doanh thu hoạt động tài chính trên báo cáo kết quả kinh doanh của năm tài chính.

#### Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

##### Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;

Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

##### Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

## I. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

#### Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2012	01/01/2012
Tiền mặt	108.924.400	319.565.481
Tiền gửi ngân hàng	41.984.253	103.125.868
Tiền Việt Nam	37.693.685	99.627.948
Tiền ngoại tệ:	4.290.568	3.497.920
+ Tại ngày 31/12/2012, ngoại tệ bằng USD: 206; tỷ giá: 20.828VND/USD		
Ước đương tiền	300.000.000	-
Tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng	300.000.000	-
<b>Tổng</b>	<b>450.908.653</b>	<b>422.691.349</b>

#### Các khoản phải thu ngắn hạn

	31/12/2012	01/01/2012
Phải thu khách hàng	167.634.951	178.686.051
Một số đối tượng có số dư lớn:		
Sở Du lịch Thanh Hóa	60.428.500	60.428.500
Công ty Xi măng Nghi Sơn	28.350.000	5.000.000
Trương Thị Hương	-	40.462.100
Trả trước cho người bán	58.000.000	58.000.000

Chi tiết các đối tượng có số dư:

Phản phòng luật sư Quốc Tín	4.000.000	4.000.000
Ứng tâm tư vấn KHCN và đào tạo	40.000.000	40.000.000
Chi phí quy hoạch Thanh Hóa	14.000.000	14.000.000
<b>Phải thu khác</b>	<b>90.589.569</b>	<b>120.219.268</b>
Phải thu khác	82.714.485	93.451.529
Phải thu bộ phận lữ hành		18.892.655
Phải thu Trung tâm thương mại	7.875.084	7.875.084
<b>Cộng</b>	<b>316.224.520</b>	<b>356.905.319</b>

<b>Hàng tồn kho</b>	<b>31/12/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	20.682.214	18.415.616
Công cụ, dụng cụ trong kho	-	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	-
Hàng phẩm tồn kho	-	-
Hàng hóa tồn kho	59.161.857	71.225.123
Hàng gửi đi bán	-	-
<b>Cộng</b>	<b>79.824.071</b>	<b>89.640.739</b>

<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>31/12/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
Tạm ứng	12.349.450	10.999.450
Tài sản ngắn hạn khác	121.799.182	79.841.395
+ Chi phí trả trước	40.399.182	46.441.395
+ Nhận ký quỹ ký cược ngắn hạn (Dư nợ TK 3386)	81.400.000	33.400.000
<b>Cộng</b>	<b>134.148.632</b>	<b>90.840.845</b>

**Tăng, giảm Tài sản cố định hữu hình**

Chỉ tiêu	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Cộng
<b>Nguyên giá TSCĐ HH</b>						
Số dư đầu năm	16.710.268.340	1.916.586.268	563.547.913	-	133.493.481	19.323.896.002
Số tăng trong năm	-	-	-	-	-	-
Số giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>16.710.268.340</b>	<b>1.916.586.268</b>	<b>563.547.913</b>	<b>-</b>	<b>133.493.481</b>	<b>19.323.896.002</b>
<b>Giá trị đã hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	8.750.241.379	1.134.307.629	184.953.832	-	109.368.902	10.178.871.739
Số tăng trong năm	399.293.112	181.033.323	58.597.647	-	10.913.006	649.837.089
Số giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>9.149.534.491</b>	<b>1.315.340.952</b>	<b>243.551.479</b>	<b>-</b>	<b>120.281.908</b>	<b>10.828.708.828</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
tại ngày đầu năm	7.960.026.961	782.278.639	378.594.081	-	24.124.579	9.145.024.261
tại ngày cuối năm	7.560.733.849	601.245.316	319.996.434	-	13.211.573	8.495.187.174

**Tăng, giảm Tài sản cố định vô hình**

Chỉ tiêu	Lợi thế thương mại	Phần mềm kế toán	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	TSCĐ khác	Cộng
<b>Nguyên giá TSCĐ HH</b>						
Số dư đầu năm	2.145.554.400	25.000.000	-	-	11.873.500	2.182.427.900
Số tăng trong năm	-	-	-	-	-	-
Số giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>2.145.554.400</b>	<b>25.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>11.873.500</b>	<b>2.182.427.900</b>

trị đã hao mòn lũy kế						
dư đầu năm	961.799.392	25.000.000	-	-	11.873.500	998.672.892
tăng trong năm	107.277.744	-	-	-	-	107.277.744
giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
cuối năm	1.069.077.136	25.000.000	-	-	11.873.500	1.105.950.636
Giá trị còn lại						
ngày đầu năm	1.183.755.008	-	-	-	-	1.183.755.008
ngày cuối năm	1.076.477.264	-	-	-	-	1.076.477.264

**hình tăng, giảm các khoản đầu tư vào đơn vị khác**

Chỉ tiêu	31/12/2012	01/01/2012
<b>- khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		
g khoản đầu tư ngắn hạn	-	-
tư tài chính ngắn hạn khác	-	-
<b>- khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>		
tư vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát	-	-
tư vào công ty liên kết	-	-
tư dài hạn khác	-	-
<b>Đầu tư dài hạn khác</b>		
chí trả trước dài hạn	31/12/2012	01/01/2012
ỹ kỳ cược dài hạn	799.334.612	729.244.272
	250.000.000	250.000.000
	<b>1.049.334.612</b>	<b>979.244.272</b>
<b>Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước</b>		
GTGT	31/12/2012	01/01/2012
tiêu thụ đặc biệt	47.113.333	39.462.142
xuất, nhập khẩu	-	-
thu nhập doanh nghiệp	-	-
thu nhập cá nhân	-	-
tài nguyên	-	-
nhà đất và tiền thuê đất	1.685.550.800	1.812.970.000
oại thuế khác	-	-
hoàn phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-
	<b>1.732.664.133</b>	<b>1.852.432.142</b>

**hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu**

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
A	1	2	3	4
đầu tư của chủ sở hữu	11.998.800.000	-	-	11.998.800.000
ng dư vốn cổ phần				
khác của chủ sở hữu				
hiếu quỹ (*)				
nh lệch tỷ giá hối đoái		788.568	788.568	
quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	291.697.270	-	-	291.697.270
thuận sau thuế chưa phân phối	(2.358.844.090)	(294.245.627)		(2.653.089.717)
<b>Cộng</b>	<b>9.931.653.180</b>	<b>(293.457.059)</b>	<b>-</b>	<b>9.637.407.553</b>

**t một số cổ đông có tỷ lệ cổ phần >5%**

Lê Trọng Nam (Đại diện phần vốn Cty CP Mía đường Lam Sơn

**Tỷ lệ cổ phần**

45,66%

g Lê Sỹ Huy	16,67%
g Vũ Thế Lập	10,83%
Nguyễn Thị Xuyên	10,00%
g Nguyễn Đình Tự	8,33%
c cổ đông khác	8,51%

Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

ng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Thu bán hàng	8.769.286.709	8.758.647.030
Thu cung cấp dịch vụ	3.003.357.286	2.396.231.069
Thu cung cấp dịch vụ ăn	524.277.268	206.404.723
Thu cung cấp dịch vụ giặt là	1.308.639.180	2.411.170.120
Thu cung cấp dịch vụ lưu trú	2.348.687.536	2.582.090.315
Thu cung cấp dịch vụ uống	135.935.453	106.408.179
Thu cung cấp dịch vụ khác	1.448.389.986	1.054.342.624
Thu hoạt động tài chính	12.507.129	12.533.685
<i>lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia</i>		
<i>hênh lệch tỷ giá</i>		
<i>nhập khác</i>		
	1.909.091	5.714.286
	<u>8.783.702.929</u>	<u>8.774.895.001</u>

u chỉnh các khoản tăng, giảm thu nhập chịu thuế TNDN

	Năm nay	Năm trước
g Lợi nhuận kế toán trước thuế	(294.245.627)	(1.954.577.306)
khoản thu nhập không tính vào thu nhập chịu thuế TNDN	-	-
khoản chi phí không được khấu trừ vào thu nhập chịu thuế TNDN	-	-
ổ chưa sử dụng	2.358.844.090	404.266.784
thu nhập chịu thuế TNDN trong năm (5=1-2+3-4)	(2.653.089.717)	(2.358.844.090)

ng tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Ứng thông tin khác

so sánh

so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 do đơn vị lập.



Lập, ngày 22 tháng 01 năm 2013

Người lập biểu

*Thư Hương*

ương Thị Thu Hương

Kế toán trưởng

*Huyền*

Phạm Thị Huyền



CÔNG CHỨNG VIÊN  
*Trình Tiến Dũng*